

SỬ DỤNG CÁC HOẠT ĐỘNG NÓI ĐỂ DẠY NGỮ PHÁP TIẾNG ANH THEO ĐƯỜNG HƯỚNG GIAO TIẾP CHO SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN NĂM THỨ NHẤT TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

TRẦN THỊ THU HIỀN *

Tóm tắt: Mục đích của nghiên cứu này là tìm hiểu thực trạng việc sử dụng các hoạt động nói trong giờ học ngữ pháp tiếng Anh của sinh viên năm thứ nhất chuyên ngành Kinh tế, Tài chính và Ngân hàng tại Trường Đại học Thương mại. Cụ thể hơn, nghiên cứu này cố gắng làm rõ những quy trình tổ chức các hoạt động nói trong bài học ngữ pháp của sinh viên và xác định các chiến lược mà giáo viên sử dụng để kích thích năng lực giao tiếp của sinh viên trong việc học ngữ pháp và các yếu tố gây ra khó khăn cho họ trong việc áp dụng các hoạt động nói. Một mục đích bổ sung của nghiên cứu là so sánh thực hành của giáo viên với kỳ vọng của sinh viên. Dựa trên kết quả nghiên cứu, tác giả tiếp tục đề xuất các khuyến nghị thực tế về khả năng sử dụng các hoạt động nói trong các bài học ngữ pháp của sinh viên.

Từ khóa: Hoạt động nói, giảng dạy ngữ pháp theo đường hướng giao tiếp, Trường Đại học Thương mại.

Abstract: The purpose of this study is to explore the reality of the use of speaking activities in the grammar lessons of the first year students of Department of Economics, Finance and Banking at Thuongmai University where the researcher is serving. More specifically, this study attempts to clarify the procedures of organizing speaking activities in the grammar lessons of the first year non-major students, and to identify strategies used by teachers to stimulate students' communicative

competence in grammar learning and the factors bringing about difficulties for the teachers and students in their application of oral activities. One additional aim is to compare teachers' practice with students' expectation. Based on the findings, the research further seeks to suggest practical recommendations for the possibility of using speaking activities in grammar lessons of the first year non-major students at Thuongmai University.

Keywords: Speaking activities, teach grammar communicatively, Thuongmai University.

1. Mở đầu

Trong những năm qua, việc áp dụng phương thức giảng dạy ngôn ngữ theo đường hướng giao tiếp (Communicative Language Teaching - CLT) đã nhận được sự quan tâm rộng rãi. Cách giảng dạy này cũng đã đánh dấu sự khởi đầu của một sự thay đổi lớn trong việc dạy và học ngoại ngữ tại Trường Đại học Thương mại. Nhờ đó, khả năng giao tiếp nói chung, trình độ ngữ pháp nói riêng của sinh viên đã được cải thiện đáng kể. Là giáo viên của Khoa

* ThS - Khoa Tiếng Anh, Trường Đại học Thương mại; Email: th.hien77@gmail.com

Tiếng Anh tại Trường Đại học Thương mại, theo quan sát và kinh nghiệm của mình, tác giả đã nhận thấy có nhiều cách để thu hút sinh viên năm thứ nhất không chuyên tiếng Anh trong các bài học ngữ pháp. Trong đó, việc sử dụng các hoạt động nói đã được nhấn mạnh hơn. Tuy nhiên, cả giáo viên và sinh viên đã phải đối mặt với rất nhiều thách thức trong việc thực hiện và quản lý các hoạt động nói trong các bài học ngữ pháp. Nghiên cứu này nhằm góp phần vào sự hiểu biết sâu rộng hơn về việc sử dụng các hoạt động nói trong bài học ngữ pháp.

2. Cơ sở lý luận

2.1. Định nghĩa ngữ pháp

Trong bối cảnh giảng dạy ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng, ngữ pháp là lĩnh vực đầu tiên của một bài học tiếng Anh mà người học được tiếp xúc. Ngữ pháp thường được định nghĩa là nghiên cứu về cách các từ và các bộ phận, thành phần của chúng kết hợp với nhau để tạo thành câu. Tuy nhiên, đó chỉ là cách mà các nhà ngữ pháp học truyền thống nhìn nhận về ngữ pháp. Các trường phái ngôn ngữ học khác nhau có định nghĩa riêng dựa trên mỗi quan tâm khác nhau của họ. Ngôn ngữ học cấu trúc coi ngữ pháp là các loại câu mà trong đó các từ của một ngôn ngữ nhất định được sắp xếp. Ngoài ra, ngữ pháp được các nhà ngôn ngữ học nhận thức coi là kiến thức bẩm sinh của loài người về cấu trúc của ngôn ngữ. Theo J. Hammer (1987) ngữ pháp có ba thành phần:

- Cú pháp: các nguyên tắc ngữ pháp, các đơn vị và quan hệ liên quan đến cấu trúc câu.
- Từ vựng: tập hợp các từ, hậu tố và tiền tố riêng lẻ.
- Ngữ nghĩa: nghĩa gắn với từ vựng, với

các đơn vị của ngôn ngữ và quan hệ trong cấu trúc câu.

Ba thành phần này nhất thiết phải tương tác. Các nguyên tắc ngữ pháp xác định các loại đơn vị mà ngôn ngữ có thể có, thứ tự sắp xếp các đơn vị này và các loại quan hệ (hoặc chức năng) mà chúng tham gia, các vị trí được cung cấp bởi cú pháp, trong khi thành phần ngữ nghĩa xác định phạm vi diễn giải được liên kết với cấu trúc cú pháp của mỗi từ vựng

Còn theo tudienso.com, “ngữ pháp là một môn khoa học nghiên cứu quy luật và cấu tạo ngôn ngữ, môn học dạy phép đặt câu cho đúng khi nói hoặc khi viết”, đây là một thuật ngữ chuyên ngành được cập nhật mới nhất năm 2021.

Tuy nhiên, các định nghĩa ngữ pháp này khác nhau, đặc điểm chung cần được lưu ý là “ngữ pháp không chỉ là một tập hợp các mẫu câu biểu thị sự vô nghĩa” [8, tr.81]. Đúng hơn, ngữ pháp nên được xem như các quy tắc ngôn ngữ hoạt động trong sự liên kết với các từ và ngữ cảnh để đạt được ý nghĩa. Với mục đích của nghiên cứu này, tác giả sử dụng định nghĩa rằng ngữ pháp là “sự mô tả cấu trúc của một ngôn ngữ và cách thức mà các đơn vị ngôn ngữ như từ và cụm từ được kết hợp để tạo ra các câu trong ngôn ngữ. Nó thường tính đến ý nghĩa và cấu trúc của những câu này trong hệ thống tổng thể của ngôn ngữ” [5, tr.161] bởi vì nó thể hiện cả bản chất ngôn ngữ và xã hội của ngữ pháp.

2.2. Vai trò của ngữ pháp trong giảng dạy ngôn ngữ

Đối với Thornbury (1999), vai trò thứ nhất của ngữ pháp là một quá trình để làm cho ý nghĩa của người nói hoặc người viết trở nên rõ ràng khi thiếu thông tin về ngữ

cảnh. Hơn nữa, ngữ pháp có nghĩa là mối quan hệ giữa ba yếu tố: ngữ pháp, từ ngữ và ngữ cảnh. Điều đó có nghĩa là người học cần phải học các dạng ngữ pháp cơ bản, cố định và cụ thể để có thể diễn đạt các ý nghĩa cụ thể.

Có thể khẳng định rằng ngữ pháp rõ ràng là trung tâm trong hoạt động của ngôn ngữ. [8, tr.81] nhấn mạnh: “Ngữ pháp không chỉ là một tập hợp các mẫu câu biểu thị những điều vô nghĩa, mà là một thứ để não người học giải đồ”.

Vai trò thứ hai và quan trọng nhất của ngữ pháp đã được kiểm chứng trong vài thập kỷ qua, rất nhiều bằng chứng thực nghiệm cho thấy rằng giảng dạy ngữ pháp trong lớp học thực sự giúp cho người học tiếp thu ngôn ngữ thứ hai một cách hiệu quả hơn giống như Brown (2001) đã tuyên bố: “Không ai có thể nghi ngờ tầm quan trọng của ngữ pháp như một quy tắc tổ chức ngôn ngữ để thực hiện việc giao tiếp”.

Rõ ràng, định nghĩa về ngữ pháp cho chúng ta thấy rõ rằng ngữ pháp bao gồm những quy tắc nhất định và những quy tắc này chi phối hệ thống các đơn vị và cấu trúc ngôn ngữ mà chúng ta sử dụng để giao tiếp với nhau.

2.3. Giảng dạy ngôn ngữ theo đường hướng giao tiếp

Giảng dạy ngôn ngữ theo đường hướng giao tiếp (Communicative Language Teaching - CLT) rất ít khi hoặc hầu như không cung cấp những hướng dẫn lý thuyết về ngữ pháp, và người học được khuyến khích tự xác định và học các quy tắc. Ngữ pháp không được xem như một tập hợp các quy tắc để ghi nhớ mà được sử dụng để giao tiếp. Celce-Murcia đề xuất một bài học ngữ pháp gồm bốn phần, áp dụng thành công phương pháp giao tiếp vào việc giảng dạy ngữ pháp. Phần đầu tiên là phần trình

bày, trong đó giáo viên giới thiệu cấu trúc ngữ pháp theo cách quy nạp hoặc diễn dịch. Phần tiếp theo là thực hành tập trung cho phép người học thao tác với cấu trúc được đề cập trong khi tất cả các yếu tố khác được giữ không đổi. Kết quả là, người học có thể kiểm soát biểu mẫu mà không bị thêm áp lực và mất tập trung khi cố gắng sử dụng biểu mẫu để giao tiếp. Sau đó, người học tham gia vào các hoạt động giao tiếp để thực hành cấu trúc mới trong thực hành giao tiếp. Cuối cùng, giáo viên góp ý và chỉnh sửa. Mặc dù đây là phần cuối cùng, nhưng Celce-Murcia lưu ý rằng nó phải diễn ra xuyên suốt bài học. Trong thực hành tập trung, việc sửa chữa phải thẳng thắn và ngay lập tức. Tuy nhiên, trong thực hành giao tiếp, giáo viên cần lưu ý các lỗi và xử lý sau khi thực hành giao tiếp. [2, tr.27].

Giảng dạy ngôn ngữ theo đường hướng giao tiếp hiện được nhiều nhà ngôn ngữ học ứng dụng và giáo viên chấp nhận vì một số lý do sau đây: có thể thấy rõ rằng người học thường có động lực hơn rất nhiều khi giáo viên của họ áp dụng đường hướng giao tiếp vào giảng dạy ngôn ngữ vì họ được khuyến khích khám phá các quy tắc, sử dụng kiến thức ngôn ngữ của mình để hoàn thành các nhiệm vụ thú vị và giao tiếp tốt ở cả dạng nói và viết. Hơn thế nữa, người học trở nên tích cực hơn trong quá trình học ngoại ngữ, ham học ngôn ngữ trong và ngoài lớp học vì với phương pháp này, họ là người quyết định và chịu trách nhiệm về thành bại của kết quả học tập của mình. Tuy nhiên, phương pháp này tập trung vào ý nghĩa hơn là hình thức của các quy tắc ngữ pháp nên một nhược điểm của phương pháp này đã được nhiều nhà ngôn ngữ học và giáo viên chỉ ra là việc người học mắc lỗi.

Bài nghiên cứu này ủng hộ quan điểm rằng cả yếu tố cấu trúc và giao tiếp đều có vai trò trong việc học tiếng Anh như một

ngoại ngữ (English as a Foreign Language - EFL) và học tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai (English as a Second Language - ESL), đặc biệt là ở Việt Nam. Điều này có hai lý do chính, thứ nhất, các chương trình ngôn ngữ lý thuyết và thực hành đã gắn liền với nền văn hóa Việt Nam trong nhiều thập kỷ. Ví dụ, đối với hầu hết người dạy và người học ngôn ngữ, sách giáo khoa có nghĩa là kiến thức. Vì vậy, muốn học là phải ghi nhớ tất cả kiến thức trong sách giáo khoa. Thứ hai, trong một xã hội mà ngôn ngữ thứ nhất và thứ hai không phải là tiếng Anh như Việt Nam, thì khả năng giao tiếp chỉ dễ dàng đạt được khi người ta đã nắm được kiến thức ngữ pháp cần thiết. Friederike Klippel (1984) gợi ý rằng người học học nhiều hơn ở giai đoạn đầu và khi thời gian tăng lên, trình độ ngôn ngữ của người học được cải thiện, các chức năng giao tiếp cũng tăng lên.

2.4. Hoạt động nói

2.4.1. Định nghĩa hoạt động nói

Theo Ur (1988) giảng dạy ngữ pháp được chia thành bốn giai đoạn: trình bày, phân lập và giải thích, thực hành và kiểm tra, trong khi theo Celce-Murcia và Hilles, một bài học ngữ pháp trải qua ba giai đoạn sau: trình bày, thực hành và kiểm tra. Vì vậy, dù những quan điểm khác nhau như vậy nhưng thực hành là một công đoạn luôn hiện hữu, nó diễn ra sau phần trình bày và giải thích ban đầu khi người học đã đưa kiến thức vào trí nhớ ngắn hạn nhưng chưa thực sự nắm vững. Thực hành có thể được định nghĩa là bất kỳ hình thức tương tác nào với ngôn ngữ của người học, thường là dưới sự giám sát của giáo viên, mục tiêu chính của họ là củng cố việc học. Thực hành bao gồm cả luyện nói và luyện viết [7, tr. 11].

2.4.2. Vai trò của việc sử dụng hoạt động nói trong giảng dạy ngữ pháp

Nunan (1989) nhấn mạnh rằng các hoạt động thực hành nói trong việc học và giảng dạy ngữ pháp không chỉ duy trì sở thích của người học mà còn duy trì sự chú ý của họ trong quá trình dài hạn lĩnh hội kiến thức và kỹ năng ngữ pháp bằng tiếng Anh. Thực hành nói sẽ cung cấp cho người học cơ hội thực hành và sử dụng ngữ pháp một cách thực tế và có ý nghĩa để nâng cao kiến thức ngữ pháp của họ. Thực hành nói ngữ pháp cũng làm tăng tính thực tế và hữu ích của các bài học ngữ pháp. Hơn nữa, đối với nhiều giáo viên, việc sửa lỗi ngữ pháp trong bài viết của người học là một công việc khá tốn thời gian.

Tóm lại, ngữ pháp nên được dạy thông qua các hoạt động thực hành nói để tăng hứng thú của học sinh, giúp học sinh tiếp thu ngữ pháp hiệu quả hơn.

2.4.3. Sử dụng các hoạt động nói thích hợp trong giảng dạy ngữ pháp

Nhiều nhà nghiên cứu đã thảo luận về các hoạt động nói thích hợp trong lớp học và rất nhiều hoạt động được điều chỉnh hoặc thiết kế dựa trên lý thuyết và đặc điểm của phương pháp giảng dạy ngôn ngữ theo đường hướng giao tiếp. Tuy nhiên, trong bài viết này, tác giả xin giới thiệu một số loại hoạt động nói đã được chứng minh là hiệu quả nhất.

- Hội thoại hay trò chuyện: mọi người sử dụng các cuộc trò chuyện để thiết lập các mối quan hệ thông qua cách thể hiện bản thân, để tìm hiểu thông tin và so sánh quan điểm với những người khác. Trò chuyện cung cấp một phương tiện để chia sẻ kinh nghiệm và giải quyết vấn đề.

- Thảo luận: khác với trò chuyện ở chỗ

thảo luận thường có mục đích xác định, chẳng hạn như hiểu rõ hơn về vai trò của các nhân vật trong một vở kịch hoặc tìm hiểu khả năng được xuất bản của một tác phẩm.

- Kể chuyện: là sự chia sẻ bằng miệng về một câu chuyện của cá nhân hoặc truyền thuyết được kể bằng cách sử dụng tính hoa của văn hóa mà nó bắt nguồn, là một trải nghiệm được chia sẻ giữa người nói và người nghe, kể chuyện mang lại trải nghiệm ngôn ngữ tự nhiên cho người học.

- Khi chuẩn bị báo cáo bằng miệng, người học phát triển khả năng lựa chọn tài liệu phù hợp với chủ đề lớp học và đối tượng báo cáo, khả năng thu thập và sắp xếp tài liệu (khả năng này đòi hỏi kỹ năng đọc phê bình, ghi chép, tóm tắt và lập dàn ý). Thông thường, một báo cáo có thể trở nên có ý nghĩa hơn đối với khán giả thông qua việc sử dụng các hình ảnh trực quan như biểu đồ, bản đồ, sơ đồ và giấy ghi nhớ trong quá trình trình bày.

- Điện thoại: là một công cụ quan trọng để sử dụng cho cá nhân, trường học và doanh nghiệp vì điện thoại cho phép liên lạc nhanh chóng. Do đó, cần phải củng cố khả năng nghe và nói của các cá nhân liên quan khi sử dụng điện thoại.

- Đưa ra thông báo: có thể được coi là phương pháp luyện nói hữu ích ở bất kỳ cấp, lớp nào. Cũng như các loại hoạt động nói khác, lớp học xây dựng các tiêu chí để đưa ra thông báo. Các tiêu chí này phải đề cập đến định dạng và cách trình bày được khuyến nghị đồng thời cũng là hướng dẫn cho người học.

- Đóng vai: tạo cơ hội cho người học phát triển và sửa đổi hiểu biết và quan điểm của mình bằng cách khám phá suy nghĩ và cảm xúc của các nhân vật trong các tình

huống nhất định. Giáo viên có thể đóng một vai trò nào đó, trở thành người tham gia tích cực vào việc thúc đẩy tư duy độc lập và học tập hợp tác.

- Phỏng vấn: là một cách tốt để thu thập thông tin và cung cấp cho những người tham gia cơ hội thực hành để cải thiện kỹ năng nghe và nói. Kết quả của các cuộc phỏng vấn có thể được đăng trong các báo cáo hoặc trên báo của trường, nhờ đó hỗ trợ phần viết của chương trình ngữ văn.

- Người học tham gia vào các cuộc tranh luận không chính thức: có cơ hội khám phá, lắng nghe và học tập. Các cuộc tranh luận giúp người học có thêm cơ hội để nghe quan điểm của bạn cùng lớp và bày tỏ ý kiến về các chủ đề quan trọng đối với họ. Họ cũng giúp các bạn cùng lớp đưa ra các quyết định quan trọng và trở thành người lắng nghe phản biện. Cuộc tranh luận thân mật giúp người học làm việc cùng nhau để hiểu các vấn đề chung.

- Học tập hợp tác: bao gồm việc người học hợp tác nhóm để đạt được mục tiêu hoặc hoàn thành một dự án. Mặc dù người học không nhất thiết phải làm việc cùng nhau tại một bàn trong suốt dự án, nhưng sự tham gia của mỗi thành viên trong nhóm là cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ. Sự thành công và đánh giá dựa trên kết quả hoạt động của nhóm, cũng như dựa trên đóng góp và hiệu suất của từng cá nhân trong nhóm.

3. Việc sử dụng các hoạt động nói để giảng dạy ngữ pháp tiếng Anh theo đường hướng giao tiếp cho sinh viên không chuyên năm thứ nhất tại Trường Đại học Thương mại

3.1. Bối cảnh

Đây là nghiên cứu khảo sát kết hợp phương pháp định tính và phương pháp

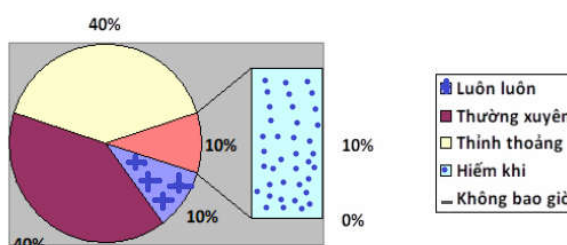
định lượng dựa trên cơ sở tiếp cận giáo dục học và tiếp cận thực tiễn được thực hiện tại trường Đại học Thương mại trong khoảng 4 tháng với 2 nhóm khách thể nghiên cứu là 150 sinh viên năm thứ nhất chuyên ngành Kinh tế, Tài chính Ngân hàng và 10 giảng viên Bộ môn Lý thuyết tiếng Anh – Khoa tiếng Anh. Sinh viên của trường đại học Thương mại đến từ mọi miền của Việt Nam, do đó, sinh viên đã trải nghiệm phương pháp dạy tiếng Anh truyền thống ở các trường trung học phổ thông và học tập thường chỉ tập trung vào đọc và viết chứ không tập trung vào nghe hoặc nói. Vì vậy, sinh viên có rất ít cơ hội nói tiếng Anh. Thực tế, những sinh viên không chuyên ngành tiếng Anh năm nhất nhận thấy phong cách học tập của trường Đại học hoàn toàn khác và họ cảm thấy khó khăn khi tham gia các hoạt động trong lớp. Tuy nhiên, nghiên cứu này được thực hiện vào học kỳ 2 khi sinh viên đã qua học kỳ 1 và đã khá quen thuộc với ngữ pháp giao tiếp. Hơn nữa, sinh viên rất năng nổ, nhiệt tình và chăm chỉ trong học tập, điều này đã khích lệ giáo viên dạy tiếng Anh luôn luôn tìm cách giúp sinh viên nâng cao trình độ học tập.

Vai trò của giáo viên là không thể phủ nhận trong quá trình dạy và học một ngôn ngữ đích. Tại Khoa Tiếng Anh, trường Đại học Thương mại, hầu hết các giáo viên đều đã có bằng Thạc sĩ hoặc đang theo học lấy bằng Tiến sĩ tại các trường, viện về ngôn ngữ. Họ đều là những người giàu kinh nghiệm, thân thiện, năng động, hiểu biết và tràn đầy cảm hứng cho việc giảng dạy.

Đối với việc sắp xếp lớp học, quy mô

lớp học tại trường trung bình là 50 (hoặc hơn). Do đó, rất khó để thực hiện một nhiệm vụ giao tiếp trong một lớp học lớn có khả năng hỗn hợp như vậy. Tất cả các phòng học đều được thiết kế cho bài giảng với bảng, máy chiếu, loa, và máy tính.

3.2. Thực trạng sử dụng hoạt động nói để dạy ngữ pháp giao tiếp cho sinh viên không chuyên tiếng Anh năm thứ nhất tại Trường Đại học Thương mại



Hình 1: Tần suất ứng dụng hoạt động nói trong giảng dạy ngữ pháp tiếng Anh

Theo Hình 1, không có giáo viên nào của Khoa Tiếng Anh, Trường Đại học Thương mại chưa từng áp dụng hoạt động nói trong giảng dạy ngữ pháp. Sự khác biệt chỉ là tần suất, 10% luôn luôn sử dụng các hoạt động nói trong lớp học của họ, trong khi đó tỉ lệ giáo viên thường sử dụng hoạt động nói bằng với tỉ lệ thỉnh thoảng cho học sinh hoạt động nói (40%), còn tỉ lệ giáo viên ít sử dụng hoạt động nói là rất nhỏ, chỉ 10%.

Bên cạnh đó, tất cả các giáo viên đều nói rằng họ rất muốn áp dụng hoạt động nói trong việc giảng dạy ngữ pháp của mình, nhưng họ vẫn thường sử dụng các phương pháp khác như dịch thuật vì họ sợ gây ồn ào. “Trên thực tế, tôi muốn tạo không khí vui nhộn và thú vị cho sinh viên bằng cách

sử dụng các hoạt động nói khi học ngữ pháp, tôi muốn sinh viên có thể thoải mái nói tiếng Anh một cách tự nhiên, nhờ đó, sinh viên có thể nhớ được các quy tắc một cách dễ dàng. Nhưng tôi ít sử dụng vì không muốn bị giáo viên khác phản nản về việc làm ồn trong tiết học ” (Nguyễn Thị Sơn – giảng viên Khoa Tiếng Anh, Trường Đại học Thương mại).

Việc sử dụng hoạt động nói để dạy ngữ pháp giao tiếp cho sinh viên không chuyên tiếng Anh năm thứ nhất tại Trường Đại học Thương mại thường gặp những khó khăn sau:

<i>Những khó khăn thường gặp</i>	<i>Tỉ lệ giáo viên gặp những khó khăn</i>
Thời gian hạn chế	100%
Sinh viên thụ động	90%
Sinh viên đạt chuẩn về trình độ tiếng Anh	70%
Giáo trình chưa hấp dẫn	60%
Quản lý lớp đông	80%
Những khó khăn khác	20%

Bảng 1: Những khó khăn giáo viên thường gặp khi dạy ngữ pháp giao tiếp

Điều đáng ngạc nhiên là tất cả những khó khăn mà tác giả đưa ra trong quá trình thu thập dữ liệu đều bó buộc các giáo viên của Khoa Tiếng Anh, Trường Đại học Thương mại trong quá trình giảng dạy ngữ pháp giao tiếp. Khó khăn lớn nhất đối với giáo viên là thời gian. Hầu hết các giáo viên phản nản rằng họ phải dạy càng nhanh càng tốt để bao quát tất cả các phần ngữ pháp dài năm trang trong mỗi buổi dạy 2 tiết (100 phút). Đây là lý do tại sao giáo viên nói rằng họ không có thời gian để tổ chức các hoạt động nói. Vì vậy, để sinh viên có thể thực hành giao tiếp, giáo trình nên thay đổi hoặc giáo viên có thể để lại một số bài tập không cần thiết hoặc quá dễ trong giáo trình để dành thời gian cho hoạt động giao tiếp.

Như *Bảng 1* cho thấy thách thức lớn thứ hai mà 90% giáo viên phải đương đầu là sinh viên thụ động. Khó khăn này cũng được đề cập trong các cuộc phỏng vấn của tác giả với các giáo viên rằng “phần lớn sinh viên ngồi trong im lặng; họ hiếm khi lên tiếng trừ khi tôi yêu cầu họ làm như vậy và họ thường miễn cưỡng tham gia các hoạt động”. Không nghi ngờ gì nữa, các giáo viên không có động cơ khi dạy những sinh viên thụ động này, vì vậy họ không sẵn sàng thay đổi phương pháp giảng dạy cũng như sử dụng các hoạt động nói. Tuy nhiên, nếu giáo viên không cố gắng áp dụng các hoạt động hiệu quả và thú vị để thu hút sự chú ý của sinh viên thì sinh viên rất có thể sẽ bị động mãi mãi.

Một khó khăn khác mà rất nhiều giáo viên (70%) phải đương đầu là sinh viên không đạt chuẩn về trình độ tiếng Anh. Trên thực tế, hầu hết sinh viên học tiếng Anh ở trường phổ thông nhưng lại quên gần hết các cấu trúc ngữ pháp, vốn từ vựng của sinh viên cũng vô cùng hạn chế, nhiều sinh viên thậm chí không thể nói được những câu tiếng Anh cơ bản. Do trình độ tiếng Anh thấp nên giáo viên thường tập trung vào các quy tắc và cấu trúc ngữ pháp để khắc phục “lỗ hổng kiến thức” của sinh viên. Tất nhiên, phương pháp dịch ngữ pháp có thể phục vụ tốt mục đích này nhưng nhiều sinh viên muốn cải thiện ngữ pháp mà không theo phương pháp cũ. Nói cách khác, họ muốn có một phương pháp sáng tạo và hiệu quả hơn.

4. Đánh giá về hiệu quả của các hoạt động nói đã được áp dụng

Để nâng cao hiệu quả của việc giảng dạy ngữ pháp thông qua các hoạt động nói, việc đánh giá các hoạt động nói đã được thực

hiện bởi cả giáo viên và sinh viên. Đánh giá của họ là cần thiết trong việc lựa chọn, điều chỉnh và thiết kế các hoạt động nói trong giờ dạy ngữ pháp tiếng Anh. (xem *Bảng 2*).

do một thực tế là sinh viên có thể giúp đỡ lẫn nhau, chia sẻ những gì họ biết và những gì họ chưa biết. Những sinh viên giỏi có thể giúp đỡ và khuyến khích những sinh viên

Các hoạt động nói	Đã thực hiện	Mức độ hiệu quả				
		Không hiệu quả	Ít hiệu quả	Bình thường	Khá hiệu quả	Rất hiệu quả
<i>Đặt câu hỏi và trả lời</i>						
- Phỏng vấn	20	3	4	6	5	2
- Các hoạt động đặt câu hỏi	40	0	4	20	10	6
- Các trò chơi đoán	51	5	3	23	15	5
<i>Thảo luận</i>						
- Các trò chơi thảo luận	65	3	4	18	23	7
- Các hoạt động giải quyết vấn đề	72	2	11	24	25	10
<i>Kể chuyện</i>						
- Bắt chước	50	3	4	13	28	2
- Đóng kịch và mô phỏng	45	3	12	17	10	3
- Kể chuyện	25	1	5	11	5	3

Bảng 2: Đánh giá của sinh viên về hiệu quả của các hoạt động nói đã được áp dụng

Bảng 2 thể hiện hiệu quả của các hoạt động nói do sinh viên đánh giá. Hiệu quả của mỗi hoạt động sẽ cung cấp cho giáo viên những thông tin cụ thể và hữu ích. Có thể thấy, các trò chơi thảo luận, các hoạt động giải quyết vấn đề cũng như các trò chơi đoán được sử dụng nhiều nhất với 65, 72 và 51 sinh viên đã tham gia các hoạt động nói này. Tuy nhiên, trong số các hoạt động này, hoạt động giải quyết vấn đề có thể hấp dẫn nhất đối với sinh viên. Họ cho rằng họ có thể làm tốt các hoạt động tương tác như vậy. Đáng chú ý là các hoạt động đặt câu hỏi, bắt chước, đóng kịch và mô phỏng có ít hơn một phần ba sinh viên đã tham gia. Có nhiều khả năng làm việc nhóm sẽ thu hút nhiều sự chú ý của sinh viên hơn. Điều này phù hợp với thực tế là học đông hiệu quả hơn học đơn. Điều này

yếu thậm chí còn làm tốt hơn cả giáo viên. Bởi vì, một số sinh viên yếu kém sợ mất mặt trước lớp nên không muốn hỏi giáo viên giải thích những điều họ chưa hiểu rõ. Đây là những hoạt động nói nên được áp dụng thường xuyên vì tỉ lệ sinh viên đã tham gia lớn hơn và có động lực cao hơn.

Kết quả điều tra cũng chỉ ra rằng ít sinh viên tham gia vào các hoạt động như phỏng vấn và kể chuyện hơn, chỉ có 20 và 25 sinh viên. Những hoạt động này đòi hỏi sự nỗ lực chuẩn bị rất cao của cả giáo viên và sinh viên, do đó, cần nhiều thời gian.

Cuối cùng, khi được yêu cầu đề xuất các hoạt động khác được cho là cần thiết, nhiều sinh viên đã gợi ý các hoạt động như hội thảo hoặc xem phim bằng tiếng Anh. Tất cả đều cho rằng việc thực hiện các hoạt động

Các hoạt động nói	Đã thực hiện	Mức độ hiệu quả				
		Không hiệu quả	Ít hiệu quả	Bình thường	Khá hiệu quả	Rất hiệu quả
<i>Đặt câu hỏi và trả lời</i>						
- Phỏng vấn	4	1	0	2	1	0
- Các hoạt động đặt câu hỏi	7	1	0	5	1	0
- Các trò chơi đoán	10	1	1	5	3	0
<i>Thảo luận</i>						
- Các trò chơi thảo luận	10	0	1	5	1	2
- Các hoạt động giải quyết vấn đề	10	1	2	5	2	0
<i>Kể chuyện</i>						
- Bắt chước	9	0	1	6	1	1
- Đóng kịch và mô phỏng	8	1	1	4	2	1
- Kể chuyện	6	1	1	3	1	0

Bảng 3: Đánh giá của giáo viên về hiệu quả của các hoạt động nói đã được áp dụng

nói này đối với sinh viên khi học ngữ pháp tiếng Anh là rất cần thiết.

Bảng 3 cho biết đánh giá của giáo viên về hiệu quả của hoạt động nói của giáo viên. Có thể thấy rằng tỉ lệ giáo viên sử dụng các trò chơi thảo luận, hoạt động giải quyết vấn đề, trò chơi đoán và bắt chước là cao nhất. Theo ý kiến của họ, những hoạt động này có vẻ khá hiệu quả. Việc đánh giá các hoạt động được khuyến nghị đã chỉ ra một số cách giúp giáo viên bớt cảm thấy choáng ngợp khi đối đầu với các lớp học đông đúc.

Sử dụng các hoạt động đặt câu hỏi, đóng kịch và mô phỏng, và kể chuyện cũng được đa số giáo viên lựa chọn (6-8 giáo viên). Tuy nhiên, chỉ một số ít trong số họ cho rằng chúng rất hiệu quả. Số còn lại tin rằng chúng bình thường. Có thể, họ chưa tìm ra phương pháp phù hợp để áp dụng các hoạt động này trên lớp một cách hiệu quả nhất. Điều thực sự quan trọng là giáo viên nhận được nhiều thông tin từ sinh viên để hiểu sinh viên muốn học gì thêm, hoạt động nào

nhàm chán, hoạt động nào thú vị, từ đó tìm ra những điều giáo viên nên điều chỉnh. Không có nhiều giáo viên tham gia vào các hoạt động nói như phỏng vấn với số lượng 4 người.

Vì vậy, điều cần thiết là các hoạt động nói phải đủ thú vị để thu hút sinh viên ở tất cả các trình độ, các chủ đề của hoạt động nói cũng được đề cập như một phần của việc thiết kế các hoạt động, các nhiệm vụ nhóm nên được tổ chức đơn giản. Tất cả các yếu tố này giúp đảm bảo rằng những khó khăn về quản lý lớp hoặc sinh viên thụ động sẽ không tồn tại nữa do các hoạt động nói phù hợp với sở thích, năng lực hoặc mong muốn của sinh viên.

5. Kết luận

Nghiên cứu này được thực hiện với mục đích tìm hiểu thực trạng, khó khăn của việc sử dụng hoạt động nói trong dạy ngữ pháp tiếng Anh theo đường hướng giao tiếp. Dữ liệu thu thập cho nghiên cứu dựa trên bảng câu hỏi khảo sát và

phòng vấn. Kết quả của nghiên cứu đã giúp đưa ra những kết luận sau:

- Có thể thấy rằng tất cả các giáo viên thường xuyên sử dụng hoạt động nói trong việc giảng dạy ngữ pháp vì chúng khiến sinh viên có động lực học và giúp sinh viên hiểu các cấu trúc ngữ pháp được dạy và sử dụng chúng trong các tình huống giao tiếp thực tế. Điều thú vị là các trò chơi và hoạt động giải quyết vấn đề lại là hoạt động nói yêu thích của tất cả sinh viên và chúng cũng được hầu hết các giáo viên lựa chọn.

- Tuy nhiên, giáo viên tiếng Anh tại Trường Đại học Thương mại cũng phải đối mặt với nhiều vấn đề khi điều chỉnh hoạt động nói trong giảng dạy ngữ pháp. Về khó khăn, ba thách thức lớn nhất đối với tất cả giáo viên là thời gian hạn chế, sinh viên thụ động và công tác quản lý lớp đông.

Dựa trên kết quả nghiên cứu, các biện pháp cho từng vấn đề đã được các giáo viên tại Trường Đại học Thương mại đưa ra. Trong đó, họ đề xuất thu hẹp quy mô lớp học tiếng Anh, chia lớp học thành các nhóm nhỏ hơn và cá nhân hóa giáo trình. Tất cả những biện pháp cần thiết đều đã được xem xét để tìm ra các hoạt động nói phù hợp với sinh viên năm nhất không chuyên tiếng Anh học ngữ pháp tại Trường Đại học

Thương mại. Hầu hết sinh viên đều thích và chú ý hơn đến việc học ngữ pháp vì họ có môi trường học tập thoải mái và thú vị.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Brown, H. D., *Teaching by Principles: An Interactive Approach to Language Pedagogy* Addison Wesley Longman, New York, 2001.
- [2] Celce-Murcia, M., *Techniques and Resources in Teaching Grammar*, Oxford University Press, Oxford, 1988.
- [3] Hammer, J., *Teaching and Learning Grammar*, Longman Group UK Limited, 1987.
- [4] Klippel, F., *Keep Talking - Communicative Fluency Activities for Language Teaching*, Cambridge University Press, Cambridge, 1984.
- [5] Richards, J. C., Platt, J. & Platt, H., *Longman Dictionary of Language Teaching and Applied Linguistics*, 2nd Edition, England: Longman, 1992.
- [6] Thornbury, S., *How to Teach Grammar*, England: Longman, 1999.
- [7] Ur, P., *A Course in Language Teaching*, Cambridge University Press, Cambridge, 1988.
- [8] Widdowson. H. G., *Aspects of Language Teaching*, Oxford University Press, Oxford, 1990.
- [9] <http://www.bogglesworldesl.com>.
- [10] <http://www.esl-library.com>.
- [11] <http://www.onestopenglish.com>.
- [12] <http://www.tudienso.com>.